

Số: 78/2021/QĐST- HNGĐ

*Sầm Sơn, ngày 06 tháng 9 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2021/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Q – sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn N– sinh năm: 1981

Đơn vị công tác: Nhà khách S, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T tại thành phố S.

Địa chỉ: Số 03, đường N, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 48, 212, 213, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2021.

Sau khi xem xét đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 04/8/2021 của nguyên đơn chị Trần Thị Q.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 04 tháng 8 năm 2021 của nguyên đơn chị Trần Thị Q là hoàn toàn tự nguyện.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị Q và anh Hoàng Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Q và anh Hoàng Văn N thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Chị Trần Thị Q và anh Hoàng Văn N có hai con chung là các cháu: Hoàng Minh Q sinh ngày 19/10/2011 và cháu Hoàng Sơn T sinh ngày 21/9/2013. Ly hôn anh chị thống nhất, anh Hoàng Văn N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh Q, chị Trần Thị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Sơn T đến khi các cháu thành niên. Chị Q và anh N không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Chị Q, anh N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản*: Anh chị thống nhất chị Trần Thị Q rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản. Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện “ Chia tài sản chung khi ly hôn” của nguyên đơn do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện.

4. *Về án phí*: Anh chị thỏa thuận chị Trần Thị Q nộp: 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Q đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0004337 ngày 13/7/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Sầm Sơn, chị được nhận lại 9.775.000 đồng (Bằng chữ: Chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

5.1. Đối với nội dung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại mục 1, mục 2 của quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5.2. Đối với nội dung đình chỉ yêu cầu khởi kiện tại mục 3 của quyết định này đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị nội dung này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- UBND xã B, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Lê Thị Phong**